

NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM QUAN HỆ CHẤT LƯỢNG TRIỂN KHAI QUÁ TRÌNH QUẢN TRỊ CÁC RỦI RO ĐẾN HIỆU SUẤT THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT RAU AN TOÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TS. Nguyễn Hoàng Nam*

Qua tham khảo kế thừa kết quả nghiên cứu một số công trình đã công bố về lý thuyết và thực tiễn, nghiên cứu đã nhận dạng và luận giải quan hệ chất lượng triển khai 7 quá trình quản trị rủi ro đến hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của các cơ sở sản xuất rau an toàn khi xâm nhập/mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm tại Việt Nam. Từ đó vận dụng các kết quả này nghiên cứu thực nghiệm (qua kết quả điều tra bằng bảng hỏi 142 nhà quản trị), cụ thể đã phân tích thống kê mô tả, rút ra những đánh giá chung thực trạng chất lượng triển khai và đề xuất một số hàm ý giải pháp quản trị nhằm nâng cao chất lượng triển khai 7 quá trình quản trị rủi ro có tác động trực tiếp đến hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trong nước của các cơ sở sản xuất rau an toàn Thành phố Hà Nội thời gian tới.

• Từ khóa: chất lượng triển khai quá trình quản trị rủi ro; hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường; cơ sở sản xuất rau an toàn thành phố Hà Nội.

Through the reference and inheritance of research results of a number of published works on theory and practice, the study identified and interpreted the relationship between the quality of implementing 7 risk management processes and the performance of market development goals of safe vegetable production establishments when entering the product consumption market in Vietnam. From there, applying these results to empirical research (through the results of a questionnaire survey of 142 managers), specifically analyzing descriptive statistics, drawing general assessments of the current status of implementation quality, and proposing some implications for management solutions to improve the quality of implementing 7 risk management processes that have a direct impact on the performance of implementing domestic product consumption market development goals of safe vegetable production establishments in Hanoi City in the coming time.

• Key words: quality of risk management process implementation; performance of market development goals; safe vegetable production facilities in Hanoi city.

JET code: M19

Ngày gửi bài: 23/01/2025

Ngày gửi phản biện: 03/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 10/03/2025

Ngày chấp nhận đăng: 27/03/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i285.09>

Phổ Trung ương), phải rà soát hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý, giải pháp hỗ trợ thích ứng hiệu quả. Đồng thời xác lập các yêu cầu với cộng đồng doanh nghiệp (DN), cơ sở sản xuất (CSSX) rau an toàn (RAT), phải xây dựng và triển khai đồng bộ hiệu quả các giải pháp quản trị chiến lược kinh doanh, quản trị tác nghiệp SX chuỗi cung ứng (CU), quản trị marketing (MKT), quản trị sự thay đổi và các rủi ro nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả SXKD và tối đa hóa hiệu suất định vị, phát triển thị trường tiêu thụ SP.

Trong 10 năm vừa qua, thị trường RAT Việt Nam luôn biến động, tăng trưởng khá nhanh về dung lượng, cơ cấu, chất lượng và cạnh tranh khốc liệt hơn. Tuy được SXCU chủ yếu từ các cơ sở có quy mô nhỏ và vừa (trang trại, hộ gia đình, tổ hợp, hợp tác xã, DN nhỏ) nhưng năng lực, sản lượng SX và năng lực cạnh tranh các SP SXCU luôn tăng trưởng, đáp ứng kịp thời và cao hơn nhu cầu thị trường trong nước. Theo báo cáo của Bộ và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông nghiệp nông thôn, đến năm 2023 sản lượng SX, cơ cấu, chất lượng và giá trị SP SXCU tăng khá nhanh, đáp ứng từ 30% đến 60% nhu cầu thị trường trong nước (tùy theo nhãn hiệu SP và thị trường địa phương). Một số bộ phận CSSX nhất là tại các vùng SX tập trung (Hà Nội và một số tỉnh phụ cận, Lâm Đồng và một số tỉnh Đông, Tây Nam Bộ...) đã triển khai đồng bộ hơn các giải

1. Giới thiệu

Phát triển sản xuất (SX) kinh doanh (KD) rau quả an toàn theo định hướng chiến lược đảm bảo an ninh và tiêu dùng bền vững các sản phẩm (SP) nông nghiệp Việt Nam giai đoạn đến 2030 tầm nhìn 2045, luôn đòi hỏi hệ thống quản lý nhà nước ngành, địa phương (Tỉnh, Thành

* Trường Đại học Thương mại; email: namqtcl@tmu.edu.vn

pháp và đạt kết quả trong nâng cao năng lực SX, giá trị SP CU, mở rộng xâm nhập và phát triển thị trường tiêu thụ. Một số SP RAT nhất là các SP đặc trưng vùng, miền đã định vị hình ảnh, thương hiệu và phát triển khá ổn định thị trường tiêu thụ. Bên cạnh những kết quả đạt được này, cũng còn những hạn chế trong quản trị chiến lược KD, quản trị tác nghiệp SXCU và MKT, nhất là các quá trình quản trị rủi ro (QTRR). Hiện, quá trình QTRR thiếu luận cứ khoa học thực tiễn, chất lượng triển khai và hiệu quả thấp dẫn đến làm giảm đáng kể hiệu quả SXKD và hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của một số bộ phận khá lớn CSSX RAT.

Trong bối cảnh và tình thế đó, nghiên cứu thực nghiệm quan hệ chất lượng triển khai quá trình quản trị các rủi ro đến hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường của cơ sở sản xuất rau an toàn là hết sức cấp thiết và có ý nghĩa khoa học cao.

2. Một số cơ sở lý thuyết và các thành phần nghiên cứu

2.1. Một số cơ sở lý thuyết

* *Nội hàm nghiên cứu và triển khai (R&D) phát triển thị trường tiêu thụ SP của CSSX RAT*

Vận dụng theo lý thuyết của Aaker&Moozman (2023), một số nghiên cứu trong nước (N.B.Khoa, 2020), phát triển thị trường của CSSX RAT là “Hệ thống các giải pháp quản trị chiến lược chọn thị trường, đề xuất và định vị cạnh tranh giá trị CU cho khách hàng trên thị trường mục tiêu, quản trị tác nghiệp SXCU và chuỗi CU, quản trị các công cụ và hoạt động MKT, QTRR tác động đến phát triển thị trường.

* *Quá trình quản trị rủi ro và hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường của cơ sở sản xuất rau an toàn.*

Quản trị rủi ro là “Quá trình tiếp cận rủi ro một cách khoa học, toàn diện, liên tục và có hệ thống nhằm nhận dạng, kiểm soát, phòng ngừa và giảm thiểu các tổn thất, những tác động bất lợi của nó, đồng thời tìm cách biến các rủi ro thành cơ hội KD thành công” (Đ.T.H.Vân, 2013). Vận dụng theo tiếp cận này quá trình QTRR của CSSX RAT gồm: Nhận dạng phân tích và đo lường mức tác động của các rủi ro => Xây dựng kế hoạch kiểm soát các rủi ro => Triển khai các giải pháp phòng ngừa, xử lý, tài trợ khắc phục hậu quả các rủi ro nhằm tối đa hóa chất lượng triển khai các quá trình QTRR và khắc phục hậu quả tiêu cực của nó đến quá trình sản xuất kinh doanh, hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ SP của cơ sở.

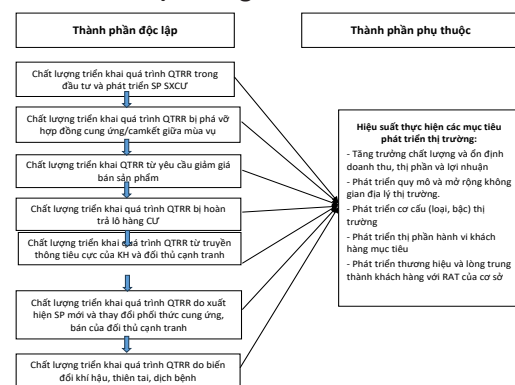
Hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT được đánh giá từ hiệu năng hay chất lượng

triển khai các quá trình QTRR thực tế và tác động của nó đến thực hiện các mục tiêu tăng trưởng ổn định doanh thu, thị phần, lợi nhuận; phát triển không gian, cơ cấu thị trường; phát triển khách hàng mục tiêu, khách hàng sinh lợi, khách hàng trung thành.

2.2. Các thành phần nghiên cứu

Từ cơ sở lý thuyết (đã nêu ở 2.1) và kế thừa kết quả một số nghiên cứu, điển hình như: Aaker&Moozman (2023), Kotler (2018), Tricker (2015), Đ.T.H.Vân (2013), N.B.Khoa (2020), N.M.Hải và V.Q.Hoa (2021)... nghiên cứu được thực hiện dựa trên các cơ sở lý thuyết và với các thành phần nghiên cứu chủ yếu sau (xem hình 1).

Hình 1: Các thành phần/chất lượng QTRR và cơ chế tác động đến hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT



Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

3. Phương pháp và kết quả của nghiên cứu

3.1. Phương pháp và kết quả phỏng vấn sâu chuyên gia

Nhằm mục đích nhận dạng các thành phần và hiệu chỉnh các thang đo của 7 thành phần độc lập và thành phần phụ thuộc, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu 15 chuyên gia (5 giảng viên, nhà nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản trị kinh doanh, 8 nhà quản trị CSSX RAT, 2 nhà quản lý nhà nước về SXKD thực phẩm rau quả). Kết quả: 15 chuyên gia nhất trí với các thành phần nghiên cứu và chất lượng triển khai quá trình quản trị 7 rủi ro có tác động trực tiếp đến hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT khi xâm nhập/mở rộng thị trường RAT trong nước hiện nay và một số năm tiếp theo.

3.2. Phương pháp và kết quả điều tra trắc nghiệm qua bảng hỏi/phiếu điều tra

Quá trình thực hiện đã gửi 190 phiếu điều tra, theo tỉ lệ khác thể trên thu về 167 phiếu, sau xử lý sai sót còn 142 phiếu đáp ứng đủ các yêu cầu (vượt 142-120=22 phiếu so với quy mô mức tối thiểu) với cơ cấu mẫu: 20 phiếu điều tra của chủ trang trại/ hộ gia đình, 93 phiếu điều tra của nhà quản trị ở tổ hợp và hợp tác xã, 29 phiếu điều tra của nhà quản trị DN SXKD RAT tại Thành phố Hà Nội.

+ Sau xử lý trên phần mềm SPSS 22.0 tổng hợp kết quả Điều tra:

TT	Thành phần/ Thang đo chất lượng triển khai QTRR	Mức đánh giá	
		Điểm TB	Độ lệch chuẩn
1	Chất lượng triển khai quá trình QTRR trong đầu tư và phát triển SP RAT SXCU'	3,58	
1.1	- Chất lượng triển khai QTRR đầu tư phát triển SP không phù hợp, không được thị trường chấp nhận	3,84	0,875
1.2	- Rủi ro đầu tư và phát triển SP mới không định vị được hoặc thời gian định vị thị trường vượt định mức	3,31	0,426
2	Chất lượng triển khai quá trình QTRR do bị phá vỡ hợp đồng CU giữa mùa vụ sản xuất	3,90	
2.1	- Chất lượng triển khai QTRR bị phá vỡ hợp đồng CU/ cam kết giữa mùa vụ với trung gian phân phối	3,78	0,411
2.2	- Chất lượng triển khai QTRR bị phá vỡ hợp đồng CU hoặc cam kết giữa mùa vụ với nhà SX chế biến hoặc tổ chức tiêu dùng trực tiếp	4,02	0,401
3	Chất lượng triển khai quá trình QTRR từ yêu cầu điều chỉnh giảm giá bán SP	3,04	
3.1	- Chất lượng triển khai QTRR từ yêu cầu điều chỉnh giảm giá theo động thái nhu cầu thị trường	2,88	0,80
3.2	- Chất lượng triển khai QTRR từ yêu cầu tiết giảm chi phí của chuỗi CU SP	3,19	0,78
4	Chất lượng triển khai quá trình QTRR bị hoàn trả lô hàng CU'	4,02	
4.1	- Chất lượng triển khai QTRR bị hoàn trả lô hàng CU' do không đúng chủng loại hoặc không đúng phẩm cấp chất lượng	4,18	0,4
4.2	- Chất lượng triển khai QTRR bị hoàn trả lô hàng CU' do không đúng quy mô hoặc thời gian, địa điểm giao hàng	3,86	0,4
5	Chất lượng triển khai quá trình QTRR do truyền thông tiêu cực từ khách hàng hoặc đối thủ cạnh tranh	2,89	
5.1	- Chất lượng triển khai quá trình QTRR do truyền thông tiêu cực trực tiếp (WOW)	3,21	0,613
5.2	- Chất lượng triển khai quá trình QTRR do truyền thông tiêu cực trực tuyến (E WOW)	2,57	0,816
6	Chất lượng triển khai quá trình QTRR do sự xuất hiện SP mới và thay đổi phối thức cung ứng, bán sản phẩm của đối thủ cạnh tranh mới	2,86	
6.1	- Chất lượng triển khai QTRR do xuất hiện SP cạnh tranh cùng loại có phẩm cấp chất lượng cao hơn hoặc SP thay thế	3,18	0,758
6.2	- Chất lượng triển khai QTRR từ sự thay đổi phối thức cung ứng bán SP cạnh tranh (SP, giá bán, dịch vụ CU', xúc tiến thương mại)	2,54	0,792
7	Chất lượng triển khai quá trình QTRR do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP	2,81	
7.1	- Chất lượng triển khai QTRR từ biến đổi khí hậu hoặc thiên tai	2,91	0,735
7.2	- Chất lượng triển khai QTRR do các thành viên khác gây đứt chuỗi CU' SP	3,13	0,480
7.3	- Chất lượng triển khai QTRR do dịch bệnh và thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP	2,52	0,798
8	Hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT	3,18	
8.1	- Tăng trưởng chất lượng, ổn định doanh thu, thị phần, lợi nhuận	3,32	0,810
8.2	- Mở rộng quy mô, phát triển không gian địa lý thị trường	3,21	0,804
8.3	- Phát triển cơ cấu (loại, bậc) thị trường tiêu thụ SP	3,98	0,712
8.4	- Phát triển thị phần hành vi khách hàng mục tiêu	2,96	0,833
8.5	- Phát triển danh tiếng thương hiệu SP và lòng trung thành khách hàng với CSSX RAT	3,11	0,689

Nguồn: Tác giả tổng hợp bằng phần mềm SPSS 22.0

4. Phân tích thống kê mô tả các thành phần nghiên cứu

4.1. Với các thành phần độc lập

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR trong đầu tư và phát triển SP RAT SXCU': được đánh giá ở mức trung bình khá (ĐTB 3,58). Trong đó: (1) chất lượng triển khai kiểm soát rủi ro do đầu tư và phát triển SP phù hợp hơn với nhu cầu thị trường, số lượng và tỉ trọng nhãn hiệu sản phẩm không được thị trường chấp nhận ngày càng có xu hướng giảm (ĐTB: 3,84 đạt cận khá); (2) chất lượng quản trị rủi ro trong phát triển SP mới còn thấp, vẫn còn một số SP mới không định vị được hoặc thời gian định vị thị trường khá dài, vì vậy được đánh giá ở mức trung bình (ĐTB 3,31) thấp hơn so với các cơ sở liên doanh FDI.

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR bị phá vỡ hợp đồng CU' hoặc cam kết giữa mùa vụ sản xuất: đạt được kết quả khá (ĐTB 3,90) trong kiểm soát và xử lý các rủi ro này, trong đó: (1) Chất lượng triển khai QTRR này với các trung gian phân phối (ĐTB 3,78) nhưng phân hóa khá cao giữa các nhóm trung gian, số lượng hợp đồng CU'/cam kết mua bán bị phá vỡ giữa mùa vụ với cá nhân nhà mua buôn còn xảy ra mức độ khá; (2) với các nhà SX chế biến/ tổ chức tiêu dùng (cơ quan, trường học, bệnh viện,...) chất lượng triển khai QTRR này đạt kết quả cao hơn (ĐTB 4,02) ở mức khá.

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR từ yêu cầu điều chỉnh, giảm giá bán: chỉ đạt mức trung bình (ĐTB 3,04). Trong đó điểm yếu nhất là chất lượng triển khai quản trị rủi ro điều chỉnh giảm giá bán theo động thái nhu cầu thị trường (ĐTB 2,88) mức trung bình yếu và QTRR giảm giá bán từ yêu cầu tiết giảm chi phí của chuỗi SXCU' SP đạt cận mức trung bình yếu (ĐTB 3,19) nhiều mặt tương đối yếu do chi phí trong một số khâu SXCU' còn khá cao chưa đáp ứng yêu cầu tiết giảm chi phí (nhất là chi phí trong ứng dụng công nghệ SX và logistics tiên tiến, hiện đại).

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR bị hoàn trả lô hàng CU': đánh giá đạt mức khá (ĐTB 4,02) trong đó chất lượng triển khai QTRR do lô hàng CU' không đúng chủng loại hoặc phẩm cấp chất lượng và do không đúng quy mô hoặc thời gian địa điểm giao hàng đều đạt cận trên khá (ĐTB 4,18) và cận dưới khá (ĐTB 3,86). Để nâng cấp chất lượng triển khai các cơ sở tập trung vào nâng cấp chất lượng QTRR do lô hàng không đúng về quy mô (số lượng, cơ cấu), không đúng chất lượng hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, và nhất là không đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã cam kết hoặc so với hợp đồng CU' để rủi ro này không xảy ra.

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR do truyền thông tiêu cực từ khách hàng và đối thủ cạnh tranh: được đánh giá ở mức trung bình yếu (ĐTB 2,89). Trong đó chất lượng triển khai QTRR từ truyền thông tiêu cực trực tiếp (WOW) của khách hàng về đối thủ cạnh tranh có tiến bộ đạt trung bình (ĐTB 3,21) và điểm hạn chế chủ yếu là chất lượng triển khai QTRR truyền thông tiêu cực trực tuyến (E WOW) đạt mức yếu (ĐTB 2,57).

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR do sự xuất hiện SP cạnh tranh và những thay đổi phối thức cung ứng, bán sản phẩm đối thủ cạnh tranh: hiện ở mức trung bình yếu (ĐTB 2,86), trong đó đạt trung bình (ĐTB 3,18) với QTRR sinh ra từ sự xuất hiện SP cạnh tranh cùng loại hoặc SP thay thế có chất lượng cao hơn và đạt mức yếu (ĐTB 2,54) với QTRR sinh ra từ sự thay đổi, gia tăng sức cạnh tranh của phối thức CU', bán SP của đối thủ.

+ Chất lượng triển khai quá trình QTRR do biến đổi khí hậu thiên tai, dịch bệnh và thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP RAT: được đánh giá ở mức trung bình yếu (ĐTB 2,81). Trong đó, chất lượng triển khai QTRR gây đứt gãy chuỗi CU' từ các thành viên khác của chuỗi có tiến bộ, đạt mức trung bình (ĐTB 3,13). Từ tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai đạt mức trung bình yếu (ĐTB 2,91) và đạt mức yếu (ĐTB 2,52), thấp nhất trong 20 thang đo của thành phần nghiên cứu) với chất lượng triển khai QTRR do dịch bệnh và thiếu cầu thị trường.

Với thành phần phụ thuộc

Thành phần phụ thuộc "Hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm" trong nước của CSSX RAT thành phố hiện được đánh giá ở mức trung bình (ĐTB 3,18) thuộc top đầu và gấp khoảng 1,2 lần so với trị số bình quân chung của cả nước. Cả 5

thang đo của thành phần được đánh giá từ trung bình yếu đến cận trên trung bình (ĐTB từ 2,96 đến 3,32). Trong đó hiệu suất phát triển thị phần hành vi của khách hàng (ĐTB 2,96); hiệu suất phát triển danh tiếng thương hiệu SP và lòng trung thành khách hàng với CSSX RAT (ĐTB 3,11) thấp hơn hiệu suất tổng thể đã tác động làm giảm đáng kể hiệu suất phát triển theo chiều sâu của thị trường.

5. Đánh giá chung và một số đề xuất hàm ý giải pháp quản trị triển khai

5.1. Đánh giá chung

Từ kết quả phân tích thống kê mô tả và kết hợp với khảo sát trực tiếp tại một số CSSX RAT Thành phố Hà Nội cho phép rút ra những hạn chế nổi bật trong chất lượng triển khai R&D các quá trình QTRR có tác động lớn đến hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT thành phố gồm: (1) chưa nhận dạng đủ, thiếu kế hoạch và giải pháp để kiểm soát, xử lý rủi ro trong phát triển SP mới dẫn đến một số SP mới hoặc không định vị được hoặc thời gian định vị thị trường quá dài; (2) chưa kiểm soát cập nhật các rủi ro trong định giá bán SP và chưa chủ động, linh hoạt, hiệu quả điều chỉnh giảm giá bán theo động thái thị trường nhất là do thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP; (3) chưa kiểm soát cập nhật và triển khai thiếu đồng bộ QTRR truyền thông tiêu cực từ khách hàng, đối thủ cạnh tranh, nhất là với truyền thông tiêu cực trực tuyến (E WOW) trên nền tảng mạng xã hội (Youtube, Facebook) và mạng thông tin di động; (4) nghiên cứu, nhận dạng chưa đủ, toàn diện và chất lượng triển khai QTRR từ sự xuất hiện SP cùng loại có sức cạnh tranh cao hơn hoặc từ sự thay đổi, gia tăng hiệu lực phối thức CU bán SP cạnh tranh của đối thủ có hiệu suất thấp; (5) chưa nhận dạng kịp thời, thiếu kế hoạch kiểm soát và chưa chủ động triển khai QTRR do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nhất là tác động của các đại dịch (với cây trồng, người SX, người sử dụng) gây đứt gãy chuỗi CU và giảm sút nghiêm trọng các mục tiêu duy trì thị trường tiêu thụ SP; (6) quá trình QTRR bị phá vỡ hợp đồng CU/cam kết giữa mùa vụ (nhất là với nhà phân phối cá nhân qui mô nhỏ) và bị hoàn trả lô hàng do thời gian giao hàng không đúng hoặc lẫn loại hàng kém chất lượng còn xảy ra chưa được xử lý kịp thời.

5.2. Một số đề xuất hàm ý giải pháp quản trị triển khai

Một là, với QTRR trong đầu tư và phát triển SP cần tập trung nghiên cứu xác định nhu cầu thị trường, hành vi lựa chọn, quyết định mua loại/tên SP RAT, chi phí SXKD và những rủi ro trong đầu tư phát triển SP mới đề: (1) xây dựng kế hoạch danh mục SP SXCU hàng năm hoặc theo mùa vụ và triển khai đồng bộ các giải pháp đầu tư SXKD theo kế hoạch này. (2) Triển khai đồng bộ hiệu quả các giai đoạn phát triển SP RAT mới và kiểm soát xử lý các rủi ro trong quá trình xâm nhập, định vị thị trường của SP mới.

Hai là, với QTRR từ truyền thông tiêu cực của khách hàng, đối thủ cạnh tranh tập trung vào (1) nghiên cứu dự báo xu hướng thay đổi hành vi tiếp nhận thông tin và sử dụng phương tiện truyền thông nhất là qua website,

mạng xã hội, Facebook, YouTube, Zalo, Viber,... (2) xây dựng và triển khai kế hoạch tác nghiệp sử dụng phối hợp các công cụ truyền thông trực tiếp và trực tuyến để xử lý các rủi ro này, chú trọng đến sử dụng đa phương tiện truyền thông trên nền tảng Internet và mạng xã hội.

Ba là, với QTRR từ sự xuất hiện SP cùng loại có chất lượng cao hơn và sự thay đổi phối thức CU bán SP cạnh tranh của đối thủ cạnh tranh cần tập trung vào: (1) nghiên cứu xác định các điểm mạnh điểm yếu của SP mới có sức cạnh tranh cao hơn và mức tác động gia tăng cường độ cạnh tranh thị trường, những rủi ro sinh ra từ sự xuất hiện của nó; (2) xác định những lợi thế/hạn chế phối thức cung ứng, bán sản phẩm của cơ sở so với phối thức của SP cạnh tranh của đối thủ cạnh tranh và mức gia tăng hiệu suất định vị hình ảnh, thu hút khách hàng của nó.

Bốn là, với QTRR từ biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP các cơ sở sản xuất RAT thành phố tập trung vào (1) mở rộng nguồn và thu thập cập nhật các thông tin nhất là các thông tin bên ngoài cơ sở về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh để nhận dạng kịp thời các rủi ro này và nhận dạng hậu quả của nó; (2) xây dựng kế hoạch kiểm soát và triển khai giải pháp quản trị tác nghiệp SXCU, MKT phù hợp với tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (với SP, người SXCU, người sử dụng SP).

Kết luận: Bài nghiên cứu mô tả, đánh giá mối quan hệ chất lượng triển khai quá trình quản trị các rủi ro đến hiệu suất thực hiện mục tiêu phát triển thị trường của cơ sở sản xuất rau an toàn thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy, Chất lượng triển khai quá trình QTRR trong đầu tư và phát triển SP SXCU, Chất lượng triển khai quá trình QTRR do bị phá vỡ hợp đồng CU giữa mùa vụ sản xuất, Chất lượng triển khai quá trình QTRR từ yêu cầu điều chỉnh giảm giá bán SP, Chất lượng triển khai quá trình QTRR bị hoàn trả lô hàng CU, Chất lượng triển khai quá trình QTRR do truyền thông tiêu cực từ khách hàng hoặc đối thủ cạnh tranh, Chất lượng triển khai quá trình QTRR do sự xuất hiện SP mới và thay đổi phối thức cung ứng, bán sản phẩm của đối thủ cạnh tranh mới, Chất lượng triển khai quá trình QTRR do biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, thiếu cầu thị trường tiêu thụ SP đều có ý nghĩa tác động đến hiệu suất thực hiện các mục tiêu phát triển thị trường của CSSX RAT trong đó yếu tố chất lượng triển khai quá trình QTRR bị hoàn trả lô hàng CU và chất lượng triển khai quá trình QTRR do bị phá vỡ hợp đồng CU giữa mùa vụ sản xuất là hai yếu tố có tác động lớn nhất. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để góp phần giúp các cơ sở sản xuất rau an toàn đưa ra những quyết định phát triển thị trường trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo:

- Aaker, D. A., & Moorman, C. (2023). *Strategic market management*. John Wiley & Sons.
 Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis: A global perspective*. Pearson.
 Hải, N. M., & Hoa, V. Q. (2021). *Đánh giá hiệu quả kinh tế và các biện pháp kỹ thuật trong phát triển sản xuất rau an toàn vùng Đồng bằng Sông Hồng*. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 29(2), 24-34.
 Khoa, N.B & ctg (2020). *Tiêu dùng bền vững nghiên cứu từ góc độ hành vi mua của người tiêu dùng đối với thực phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Việt Nam*. Đề tài cấp Bộ GD&ĐT
 Kotler, P., Keller, K. L., & Ang, S. H. (2018). *Marketing management: an Asian perspective*. Pearson.
 Văn Hồng, P. T. D. (2013). *Quản trị rủi ro và khủng hoảng*.
 Tricker, R. I. (2015). *Corporate governance: Principles, policies, and practices*. Oxford University Press, USA.